

Bản án số: 228/2019/DS-PT

Ngày: 22 – 8 – 2019

V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản
là QSD đất và công nhận QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út

Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc “tranh chấp chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2019/DS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị M1, sinh năm 1960 (chết ngày 15/10/2018)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị M1:

1/ Ông Dương Văn H, sinh năm 1962

2/ Anh Dương Đăng K, sinh năm 1990

3/ Chị Dương Lệ Th, sinh năm 1992 (Có mặt)

4/ Cháu Dương Quỳnh Lê U , sinh năm 2006. Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu U: Ông Dương Văn H (cha ruột cháu U).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H, anh K, chị Th: Ông Kim Chan Đa R, sinh năm 1987; địa chỉ: thị trấn TB, huyện TB, tỉnh CM (Văn bản ủy quyền ngày 30/10/2018), (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 1951; địa chỉ: Phường 8, thành phố CM, tỉnh CM

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông T1: Bà Trần Thị A1, sinh năm 1955; địa chỉ: Phường TX, thành phố CM, tỉnh CM(Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trần Thị N1, sinh năm 1940; địa chỉ: Kênh Xáng Bạch Ngưu, khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà N : Anh Nguyễn Văn Tr , sinh năm 1986; địa chỉ: Kênh Xáng Bạch Ngưu, khóm 1, phường T, thành phố C , tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

2/ Bà Huỳnh Thị A2, sinh năm 1939; địa chỉ: Phường 8, thành phố CM, tỉnh CM

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Anh : Anh Nguyễn Văn Th , sinh năm 1970; địa chỉ: Phường 8, thành phố CM, tỉnh CM (Có mặt).

3/ Ông Huỳnh Văn D1, sinh năm 1948; địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Đ 1: Chị Dương Lệ T5, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 250A, đường Lê Hồng Phong, khóm 7, phường 8, thành phố CM, tỉnh CM (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D1: Ông Kim Chan Đa R, là Luật sư cộng tác viên Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (Có mặt).

4/ Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm 1953; địa chỉ: Phường 8, thành phố CM, tỉnh CM . (Vắng mặt).

5/ Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1957; địa chỉ: xã LVL, thành phố CM, tỉnh CM.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Huệ: Ông Nguyễn Chí Th, sinh năm 1959; địa chỉ: thành phố CM, tỉnh CM (Có mặt).

6/ Bà Trần Thị A1, sinh năm 1955; địa chỉ: Phường TX, thành phố CM, tỉnh CM(Có mặt).

7/ Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1964; địa chỉ: Phường T, thành phố CM, tỉnh CM (Có mặt).

8/ Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1971; địa chỉ: Phường T, thành phố CM, tỉnh CM (Có mặt)

9/ Anh Nguyễn Văn N2, sinh năm 1974 ; địa chỉ: Phường T, thành phố CM, tỉnh CM (Có mặt).

10/ Chị Nguyễn Thị Thanh E, sinh năm 1976; địa chỉ: Phường T, thành phố CM, tỉnh CM (Có mặt)

11/ Chị Nguyễn Thị T3; địa chỉ: Phường T, thành phố CM, tỉnh CM (Vắng mặt)

12/ Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1978; địa chỉ: Phường T, thành phố CM, tỉnh CM (Có mặt)

13/ Chị Nguyễn Thị M2, sinh năm 1982; địa chỉ: Phường T, thành phố CM, tỉnh CM (Có mặt)

14/ Chị Nguyễn Thị D2; địa chỉ thường trú: Phường T, thành phố CM, tỉnh CM. Tạm trú: xã BH, huyện BC, Thành phố HCM (Vắng mặt).

15/ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986; địa chỉ: Phường T, thành phố CM, tỉnh CM (Vắng mặt).

16/ Anh Huỳnh Văn D3, sinh năm 1987; địa chỉ: phường 8, thành phố CM, tỉnh CM (Có mặt)

17/ Ông Ngô Chí D4, sinh năm 1957; địa chỉ: phường 5, thành phố CM, tỉnh CM (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Ngọc T1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Cha mẹ bà M1 là cụ Trần Thị S (chết ngày 27/12/2003) và cụ Huỳnh Văn Ch (chết ngày 25/8/2009); cụ S, cụ Ch chết không để lại di chúc. Cụ S và Cụ Ch, có 07 người con gồm: Huỳnh Thị A2, Nguyễn Văn T (chết 6/2009), Huỳnh Văn D 1, Huỳnh Thị M 1, Huỳnh Ngọc T 1, Huỳnh Văn L 1 và Huỳnh Thị H 1. Ông T có 9 người con gồm: Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị Thanh E, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị M2, Nguyễn Thị D2 và Nguyễn Văn T2.

Lúc sinh thời, Cụ Ch và Cụ S tạo lập được nhiều tài sản nhưng đã bán và phân chia cho các con xong. Cụ Ch, Cụ S chết để lại diện tích nuôi trồng thủy sản 3.427,4m², thửa số 112, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khóm 7, phường 8, thành phố CM, được Ủy ban nhân dân thành phố CM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/4/2003 do cụ Huỳnh Văn Ch và cụ Trần Thị S đứng tên. Năm 2003, Cụ Ch có cho ông Nguyễn Văn T phần đất ngang 4,0m, dài hết hậu đất nhưng chỉ bằng lời nói, không có giấy tờ. Ông T đã chuyển nhượng phần đất lại cho bà Huỳnh Thị M1 cũng vào năm 2003. Đến năm 2014, ông T1 chuyển nhượng phần đất ngang 5,0m, dài 48,50m cho Công ty Khai Long.

Bà M1 yêu cầu chia thừa kế toàn bộ diện tích đất 3.427,4m², bà M1 yêu cầu được chia diện tích 495,75m², vị trí liền kề với phần đất mà hàng thừa kế của ông T được nhận; yêu cầu Tòa án công nhận phần đất ngang 04m dài hết hậu đất, trong phần thừa kế của ông Nguyễn Văn T được hưởng, là thuộc quyền sử dụng của bà M1.

- *Bà Trần Thị A1 trình bày:*

Về nguồn gốc đất, những người con của Cụ Ch, Cụ S cũng như thời gian Cụ Ch, Cụ S chết, thời gian ông T chết và những người con của ông T như nguyên đơn bà M1 trình bày là đúng. Cụ Ch, Cụ S chết không để lại di chúc. Phần đất có diện tích 3.342,50m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/4/2003 đứng tên hộ ông Huỳnh Văn Ch và bà Trần Thị S là tài sản của Cụ Ch, Cụ S để lại. Việc chuyển nhượng QSDĐ giữa bà N, ông T với bà M bà không biết và không thừa nhận. Ngày 19/01/2015 bà và chồng bà (ông T1) có chuyển nhượng cho ông Ngô Chí D4 phần đất ngang 5,0m, dài 48,50m. Bà yêu cầu trừ phần đất đã chuyển nhượng cho ông D4, phần còn lại bà và ông T1 yêu cầu được nhận phần đất ngang 20m dài hết hậu đất để làm chi phí cho vợ chồng bà thờ cúng và làm nhà mồ. Phần đất còn lại chia làm 07 phần đều nhau. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà A1 yêu cầu trừ phần đất bà đã chuyển nhượng cho ông D4, còn lại chia làm 08 phần, ông T1 được hưởng hai phần trong đó có một phần để thờ cúng. Yêu cầu bồi thường toàn bộ tài sản của bà và ông T1 trên đất với giá trị 30.000.000đồng, không yêu cầu gì khác. Đối với việc thỏa thuận chuyển nhượng

phần đất cho ông D4, ông T1 và bà A1 không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, ông bà và ông D4 tự thỏa thuận với nhau.

- Anh Nguyễn Văn T4 và ông Nguyễn Chí Th thống nhất trình bày:

Anh T7 và ông T8 thống nhất lời trình bày của bà A 1. Anh T7 và ông T8 xác định không đồng ý việc chuyển nhượng đất giữa bà N , ông T với bà M như đại diện nguyên đơn trình bày.

- Anh Nguyễn Văn T4 trình bày:

Anh T 2 thống nhất lời trình bày của đại diện nguyên đơn . Cha anh là ông Nguyễn Văn T chết vào tháng 6/2009 âm lịch (chết trước Cụ Ch). Khoảng năm 2002, năm 2003 Cụ Ch có cho cha anh phần đất chiều ngang 12m, dài khoảng 48m đến 50m, phần đất giáp với bà Huỳnh Thị H . Đến 2003, cha mẹ anh đã chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị M ngang 04m dài hết hậu, có làm giấy tay. Anh yêu cầu trừ phần đất ngang 04m dài hết hậu vị trí giáp với đất bà Huỳnh Thị H đã chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị M, chỉ đồng ý công nhận quyền sử dụng phần đất ngang 04m dài hết hậu cho bà M trong phần đất Cụ Ch để lại, không đồng ý công nhận trong phần thừa kế mà ông T được hưởng. Phần đất còn lại chia đều cho 07 người con của Cụ Ch, Cụ Strong đó có phần của cha anh và anh yêu cầu hưởng thừa kế.

- Chị Dương Lệ T trình bày

Thông nhất lời trình bày của đại diện nguyên đơn . Yêu cầu chia đều phần đất diện tích 3.427,4m² cho 07 người con của Cụ Ch , cụ Sáu; ông Đồng được nhận 01 phần liền kề với phần thừa kế bà M được hưởng . Không đồng ý trừ phần đất bà A 1 ông T1 đã chuyển nhượng cho ông D 4 (Công ty Khai Long), không đồng ý trừ 04m như anh T4 trình bày, không đồng ý trừ 20m để thờ cúng và xây nhà mồ.

- Chị Nguyễn Thị Đ , anh Nguyễn Văn B , anh Nguyễn Văn N 2, chị Nguyễn Thị Thanh E, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị M2, chị Nguyễn Thị D2 thống nhất trình bày:

Việc chuyển nhượng đất giữa cha mẹ anh chị là ông T, bà N1 với bà M1 các anh chị có nghe nói nhưng không biết cụ thể. Trường hợp được hưởng thừa kế thì các anh chị đồng ý nhận thừa kế theo quy định pháp luật.

- Anh Huỳnh Văn D3 trình bày:

Phần đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế hiện nay có căn nhà trên đất, do anh đưa tiền cho cha mẹ anh là ông T1, bà A1 xây dựng trên nền nhà cũ của cha mẹ anh. Hiện anh cùng cha mẹ anh sinh sống trong căn nhà này. Nay anh đồng ý giao đất để chia thừa kế và yêu cầu những người trong hàng thừa kế trả lại cho anh giá trị căn nhà 30.000.000 đồng; anh D3 đồng ý tự thỏa thuận với cha mẹ anh về số tiền này.

- Ông Ngô Chí D4 trình bày:

Ông nhận chuyển nhượng từ bà A1, ông T1 phần đất ngang 05m dài 48,5m, giá 275.000.000đ vào 19/01/2015, đã sử dụng đất từ đó đến nay. Đối với tranh chấp thừa kế ông không có ý kiến, chỉ yêu cầu giữ nguyên hiện trạng phần đất chuyển nhượng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm 47/2019/DS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Huỳnh Văn T1, bà Trần Thị A1 và anh Huỳnh Văn D3 giao phần đất là di sản của cụ ông Huỳnh Văn Ch và bà Trần Thị S, diện tích 3.427,4m², tọa lạc tại

khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/4/2003 loại đất nuôi tôm để chia thừa kế. Buộc ông Huỳnh Văn T1, bà Trần Thị A1:

- Giao cho bà Huỳnh Thị H1 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất: Diện tích 481,3m². Vị trí: Cạnh hướng tây (M1M10) giáp đất bà H1 48,62m; Cạnh hướng nam (M5M10) giáp lộ xi măng 11m; Cạnh hướng bắc (M1M4) là cạnh giáp đất ông Nguyễn Tấn D và Công ty KL dài 10m; Cạnh hướng đông giáp đất di sản còn lại, dài 48,29m.

- Giao cho ông Dương Văn H, anh Dương Đăng K, chị Dương Lệ T và Dương Quỳnh Lệ U, sinh năm 2006 (do ông Dương Văn H đại diện hợp pháp) được nhận 01 kỷ phần thừa kế mà bà Huỳnh Thị M1 được nhận là quyền sử dụng đất: Diện tích 484,5m². Vị trí: Cạnh hướng nam (M5M10) giáp với lộ xi măng, dài 11m từ vị trí phần bà Huỳnh Thị H1 được nhận đến mét thứ 22; Cạnh hướng bắc (M1M4) giáp đất ông Nguyễn Tấn Dũng và Công ty Khai Long, dài 10m tính từ vị trí đất giao cho bà Huỳnh Thị H1 đến vị trí mét thứ 20. Cạnh hướng Tây giáp với phần bà Huỳnh Thị H1 được nhận, dài 48,29m; Cạnh hướng đông giáp với phần di sản còn lại, dài 48,81m.

- Giao cho ông Huỳnh Văn D1 được nhận 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất: Diện tích 481,1m². Vị trí: Cạnh hướng nam (M5M10) giáp với lộ xi măng, dài 11m từ vị trí phần bà M1 được nhận đến mét thứ 33; Cạnh hướng bắc (M1M4) là cạnh giáp đất ông Nguyễn Tấn D và Công ty KL, dài 10m tính từ vị trí phần những người trong hàng thừa kế của bà M1 được nhận đến vị trí mét thứ 30; Cạnh hướng Tây giáp với phần những người trong hàng thừa kế của bà M1 được nhận, dài 48,81m; Cạnh hướng đông giáp với phần đất còn lại, dài 48,30m.

- Giao cho các anh chị: Nguyễn Thị L2; Nguyễn Văn B; Nguyễn Văn N2; Nguyễn Thị Thanh E; Nguyễn Thị T3; Nguyễn Văn T4; Nguyễn Thị M2; Nguyễn Thị D2; Nguyễn Văn T2, được nhận 01 kỷ phần thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T, là quyền sử dụng đất: Diện tích 484,7m². Vị trí: Cạnh hướng nam (M5M10) giáp với lộ xi măng, dài 11m từ vị trí phần ông Huỳnh Văn D1 được nhận đến mét thứ 44; Cạnh hướng bắc (M1M4) giáp đất ông Nguyễn Tấn D và Công ty KL, dài 10m tính từ vị trí đất giao cho ông Huỳnh Văn D1 đến vị trí mét thứ 40; Cạnh hướng Tây giáp với phần ông Huỳnh Văn D1 được nhận, dài 48,30m; Cạnh hướng đông giáp với phần di sản còn lại, dài 48,75m.

- Giao cho ông Huỳnh Văn L1 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất, diện tích 489,4m². Vị trí: Cạnh hướng nam (M5M10) giáp với lộ xi măng, dài 11m tính từ vị trí phần thừa kế thế vị của ông T được nhận đến mét thứ 55; Cạnh hướng bắc (M1M4) giáp với ông Nguyễn Tấn Dũng và công ty KL, dài 10m tính từ vị trí đất giao cho thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T đến vị trí mét thứ 50; Cạnh hướng Tây giáp với phần thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T được nhận, dài 48,75m; Cạnh hướng đông giáp với phần di sản còn lại, dài 48,21m.

- Giao cho Bà Huỳnh Thị A2 một kỷ phần là quyền sử dụng đất, diện tích 494,1m². Vị trí: Cạnh hướng nam (M5M10) giáp với lộ xi măng, dài 11m tính từ vị trí phần ông Huỳnh Văn L1 được nhận đến mét thứ 66; Cạnh hướng bắc (M1M4)

giáp với ông Nguyễn Tấn D và Công ty KL, dài 10m tính từ vị trí đất giao cho ông Huỳnh Văn L1 đến vị trí mét thứ 60; Cạnh hướng Tây giáp với phần ông Huỳnh Văn L1 được nhận, dài 48,21m; Cạnh hướng đông giáp với phần di sản còn lại, dài 49,70m.

- Ông Huỳnh Văn T1 được hưởng 01 kỷ phần, diện tích 511,4m². Vị trí: Cạnh hướng nam (M5M10) giáp với lộ xi măng, dài 11,05m tính từ vị trí phần bà Huỳnh Thị A2 được nhận đến hết đất vị trí M5; Cạnh hướng bắc (M1M4) giáp với đất ông Nguyễn Tấn D và Công ty KL, dài 10m tính từ vị trí phần đất giao cho bà Huỳnh Thị A2 đến vị trí M4 theo bản hiện trạng; Cạnh hướng tây giáp với phần bà Huỳnh Thị A2 được nhận, dài 49,70m; Cạnh hướng đông (M4M5) giáp với đất Công ty cổ phần KL dài 50,16m. (Trong 511,4m² này có diện tích 250,5m², ông Huỳnh Văn T1 bà Trần Thị A1 đã chuyển nhượng cho ông Ngô Chí D4 vào năm 2015.)

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn đối với diện tích đất ngang 04m, chiều dài 49,275m diện tích 197,1m² tọa lạc tại khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau trong phần thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T.

3. Buộc bà Huỳnh Thị A2, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn D1, mỗi người phải hoàn trả cho ông Huỳnh Văn T1, bà Trần Thị A1, giá trị tài sản trên đất, số tiền 4.285.000đ (*Bốn triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng*).

4. Buộc tất cả hàng thừa kế của bà Huỳnh Thị M 1 gồm: Ông Dương Văn H , anh Dương Đăng K , chị Dương Lệ T và Dương Quỳnh Lệ U , sinh năm 2006, cùng phải trả cho ông Huỳnh Văn T1, bà Trần Thị A1, giá trị tài sản trên đất số tiền 4.285.000đ (*Bốn triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng*), ông Dương Văn H có trách nhiệm thanh toán thay cho Dương Quỳnh Lệ U.

5. Buộc chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn N2, chị Nguyễn Thị Thanh E, chị Nguyễn Thị T3, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị M2, chị Nguyễn Thị D2, anh Nguyễn Văn T2, cùng phải trả cho ông Huỳnh Văn T1, bà Trần Thị A1, giá trị tài sản trên đất số tiền 4.285.000đ (*Bốn triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 23/5/2019 ông Huỳnh Ngọc T1 có đơn kháng cáo, yêu cầu phân chia lại di sản thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị A1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc T1, yêu cầu: Phần đất chia thừa kế được trừ 01 kỷ phần thờ cúng, trừ 01 phần làm chi phí xây nhà mồ, trừ phần chuyển nhượng cho ông D4; phần còn lại chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Anh T7 và ông T8 đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T1. Các đương sự có mặt còn lại không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T1

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, án sơ thẩm phân chia phần di sản thừa kế ông T1 đang quản lý, nhưng

không xem xét chi phí phụng dưỡng, chăm sóc của ông T1 là thiệt hại cho ông T1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 10 – 5 – 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, buộc những người thừa kế phải chịu một phần chi phí phụng dưỡng, chăm sóc để trả lại cho ông T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Toàn bộ phần đất thuộc thửa số 112, tờ bản đồ 59, tọa lạc tại khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau diện tích theo đo đạc thực tế 3.427,4m², các đương sự thống nhất là di sản của Cụ Ch và cụ Sáu. Cụ Ch và Cụ S chết không để lại di chúc, nên phần di sản được phân chia theo pháp luật. Việc phân chia di sản của Cụ Ch và Cụ S để lại, các đương sự đều thống nhất, chỉ tranh chấp với nhau về cách thức phân chia.

Quá trình giải quyết vụ án, phía Mai và bà N1 cho rằng năm 2003 Cụ Ch có cho ông Tuấn phần đất ngang 12m dài đến hết hậu đất trong diện tích đất 3.427,4m², bà N1 ông T đã chuyển nhượng cho bà M1 ngang 04m dài đến hết hậu đất. Ngoài phía bà M1 và bà N1 trình bày, các đương sự còn lại không thống nhất việc Cụ Ch có tặng cho ông Tuấn phần đất như trên. Phía bà M1 và bà N1 không có chứng cứ để chứng minh việc tặng cho, nên không có cơ sở khẳng định Cụ Ch có tặng cho ông Tuấn. Do đó, việc bà M1 yêu cầu công nhận phần đất ngang 04m chuyển nhượng của ông Tuấn thuộc quyền sử dụng của bà M1 là không có cơ sở.

Đối với phần đất ông T1 bà A1 đã chuyển nhượng cho ông Ngô Chí D4 ngày 19/01/2015 ngang 05m dài đến hết hậu đất, diện tích 250,5m²; việc chuyển nhượng này chưa thực hiện đúng thủ tục theo quy định pháp luật và cũng không được những người thừa kế của Cụ Ch đồng ý. Phần đất này hiện nay ông D4 đang quản lý sử dụng. Việc bà A1 cho rằng vì phải chăm sóc Cụ Ch bệnh và chi phí mai táng nên mới chuyển nhượng đất cho ông D4 để lấy tiền làm chi phí, nhưng không đưa ra được chứng cứ cụ thể về các chi phí nói trên cũng không xác định được chi phí bao nhiêu; hơn nữa, Cụ Ch chết tháng 8/2009, mãi đến năm 2015 mới chuyển nhượng đất cho ông D4. Xét lời trình bày của bà A1 trình bày chưa phù hợp; do đó, việc bà A1 yêu cầu trừ diện tích phần đất chuyển nhượng cho ông D4 trong diện tích đất di sản thừa kế 3.427,4m² là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà A1 về việc trừ 01 kỷ phần thờ cúng trong diện tích đất di sản thừa kế, xét thấy việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật không quy định dành phần di sản thờ cúng; hơn nữa yêu cầu này cũng không được tất cả những người thừa kế của Cụ Ch đồng ý, nên yêu cầu của bà A1 đối với phần này không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà A1 dành ra 01 phần di sản để làm chi phí xây nhà mồ: Tại phiên tòa bà A1 trình bày việc xây nhà mồ chưa được thực hiện, mà là dự định sau này; yêu cầu này cũng không được tất cả những người thừa kế của Cụ Ch đồng ý. Do đó, yêu cầu của bà A1 đối với phần này không được chấp nhận.

[2] Như vậy, việc phân chia di sản thừa kế của cấp sơ thẩm đối với toàn bộ diện tích đất 3.427,4m² di sản của Cụ Ch và Cụ S để lại (như quyết định của bản án sơ thẩm) là có căn cứ.

[3] Đối với phần đất ông T và bà N1 chuyển nhượng cho bà M1, hiện nay bà M1 cũng chưa nhận đất. Tại phiên tòa, những người thừa kế của bà M1 và những người thừa kế của ông T thống nhất tự thỏa thuận với nhau về việc chuyển nhượng này, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với phần đất ông T1 và bà A1 chuyển nhượng cho ông D4, do phần đất này nằm trong phần diện tích đất ông T1 được chia thừa kế, bà A1 xác định bà và ông T1 sẽ tự thỏa thuận với ông D4, quyền lợi của ông D4 cũng không bị thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không đặt quyền lợi của ông D4 cũng không bị thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm ông T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố CM.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Huỳnh Ngọc T1, bà Trần Thị A1 và anh Huỳnh Văn D3 giao phần đất là di sản của cụ Huỳnh Văn Ch và cụ Trần Thị S diện tích theo đo đạc thực tế 3.427,4m², tọa lạc tại khóm 7, phường 8, thành phố CM để chia thừa kế.

Buộc ông Huỳnh Ngọc T1, bà Trần Thị A1 và anh Huỳnh Văn D3:

- Giao cho bà Huỳnh Thị H1 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất: Diện tích 481,3m². Vị trí: Cạnh hướng tây (M1M10) giáp đất bà H1, dài 48,62m; Cạnh hướng nam (M5M10) giáp lộ xi măng, ngang 11m; Cạnh hướng bắc (M1M4) là cạnh giáp đất ông Nguyễn Tấn D và Công ty KL, ngang 10m; Cạnh hướng đông giáp đất di sản còn lại, dài 48,29m.

- Giao cho ông Dương Văn H, anh Dương Đăng K, chị Dương Lệ T và Dương Quỳnh Lệ U, sinh năm 2006 (do ông Dương Văn H đại diện hợp pháp) được nhận 01 kỷ phần thừa kế mà bà Huỳnh Thị M1 được nhận là quyền sử dụng đất: Diện tích 484,5m². Vị trí: Cạnh hướng nam (M5M10) giáp với lộ xi măng, ngang 11m, tính từ vị trí phần bà Huỳnh Thị H1 được nhận đến vị trí mét thứ 22; Cạnh hướng bắc (M1M4) giáp đất ông Nguyễn Tấn D và Công ty KL, ngang 10m, tính từ vị trí đất

giao cho bà Huỳnh Thị H1 đến vị trí mét thứ 20. Cạnh hướng Tây giáp với phần bà Huỳnh Thị H1 được nhận, dài 48,29m; Cạnh hướng đông giáp với phần di sản còn lại, dài 48,81m.

- Giao cho ông Huỳnh Văn D1 được nhận 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất: Diện tích 481,1m². Vị trí: Cạnh hướng nam (M5M10) giáp với lộ xi măng, ngang 11m, tính từ vị trí phần bà M1 được nhận đến vị trí mét thứ 33; Cạnh hướng bắc (M1M4) là cạnh giáp đất ông Nguyễn Tấn D và Công ty KL, ngang 10m, tính từ vị trí phần những người trong hàng thừa kế của bà M1 được nhận đến vị trí mét thứ 30; Cạnh hướng Tây giáp với phần những người trong hàng thừa kế của bà M1 được nhận, dài 48,81m; Cạnh hướng đông giáp với phần đất còn lại, dài 48,30m.

- Giao cho các anh chị: Nguyễn Thị L2; Nguyễn Văn B; Nguyễn Văn N2; Nguyễn Thị Thanh E; Nguyễn Thị T3; Nguyễn Văn T4; Nguyễn Thị M2; Nguyễn Thị D2; Nguyễn Văn T2, được nhận 01 kỷ phần thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T, là quyền sử dụng đất: Diện tích 484,7m². Vị trí: Cạnh hướng nam (M5M10) giáp với lộ xi măng, ngang 11m, tính từ vị trí phần ông Huỳnh Văn D1 được nhận đến vị trí mét thứ 44; Cạnh hướng bắc (M1M4) giáp đất ông Nguyễn Tấn D và Công ty KL, ngang 10m, tính từ vị trí đất giao cho ông Huỳnh Văn D1 đến vị trí mét thứ 40; Cạnh hướng Tây giáp với phần ông Huỳnh Văn D1 được nhận, dài 48,30m; Cạnh hướng đông giáp với phần di sản còn lại, dài 48,75m.

- Giao cho ông Huỳnh Văn L1 01 kỷ phần là quyền sử dụng đất, diện tích 489,4m². Vị trí: Cạnh hướng nam (M5M10) giáp với lộ xi măng, ngang 11m, tính từ vị trí phần thừa kế thế vị của ông T được nhận đến vị trí mét thứ 55; Cạnh hướng bắc (M1M4) giáp với ông Nguyễn Tấn D và công ty KL, ngang 10m tính từ vị trí đất giao cho thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T đến vị trí mét thứ 50; Cạnh hướng Tây giáp với phần thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T được nhận, dài 48,75m; Cạnh hướng đông giáp với phần di sản còn lại, dài 48,21m.

- Giao cho bà Huỳnh Thị A2 một kỷ phần là quyền sử dụng đất, diện tích 494,1m². Vị trí: Cạnh hướng nam (M5M10) giáp với lộ xi măng, ngang 11m tính từ vị trí phần ông Huỳnh Văn L1 được nhận đến vị trí mét thứ 66; Cạnh hướng bắc (M1M4) giáp với ông Nguyễn Tấn D và Công ty KL, ngang 10m, tính từ vị trí đất giao cho ông Huỳnh Văn L1 đến vị trí mét thứ 60; Cạnh hướng Tây giáp với phần ông Huỳnh Văn L1 được nhận, dài 48,21m; Cạnh hướng đông giáp với phần di sản còn lại, dài 49,70m.

- Ông Huỳnh Ngọc T1 được hưởng 01 kỷ phần, diện tích 511,4m². Vị trí: Cạnh hướng nam (M5M10) giáp với lộ xi măng, ngang 11,05m tính từ vị trí phần bà Huỳnh Thị A2 được nhận đến hết đất vị trí M5; Cạnh hướng bắc (M1M4) giáp với đất ông Nguyễn Tấn D và Công ty KL, ngang 10m tính từ vị trí phần đất giao cho bà Huỳnh Thị A2 đến vị trí M4; Cạnh hướng tây giáp với phần bà Huỳnh Thị A2 được nhận, dài 49,70m; Cạnh hướng đông (M4M5) giáp với đất Công ty cổ phần KL, dài 50,16m. (Trong 511,4m² này có diện tích 250,5m², ông Huỳnh Ngọc T1 bà Trần Thị A1 đã chuyển nhượng cho ông Ngô Chí D4 vào năm 2015.)

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn đối với diện tích đất ngang 04m, chiều dài 49,275m diện tích

197,1m² tọa lạc tại khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau trong phần thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T1.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

3. Buộc bà Huỳnh Thị A2, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn D1, mỗi người phải hoàn trả cho ông Huỳnh Ngọc T1, bà Trần Thị A1, giá trị tài sản trên đất, số tiền 4.285.000 đồng.

4. Buộc hàng thừa kế của bà Huỳnh Thị M1 gồm: Ông Dương Văn H, anh Dương Đăng K, chị Dương Lệ Th và Dương Quỳnh Lệ U có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Ngọc T1, bà Trần Thị A1, giá trị tài sản trên đất số tiền 4.285.000 đồng.

5. Buộc chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn N2, chị Nguyễn Thị Thanh E, chị Nguyễn Thị T3, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị M2, chị Nguyễn Thị D2, anh Nguyễn Văn T2, có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Ngọc T1, bà Trần Thị A1, giá trị tài sản trên đất số tiền 4.285.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc các đương sự khác trong hàng thừa kế trả lại chi phí đo đạc, bản vẽ.

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị M1, ông Huỳnh Văn D1, ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị H1 được miễn chịu án phí.

Bà Huỳnh Thị M1 đã dự nộp 645.000 đồng theo biên lai thu số 0003387 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, ông Dương Văn H, anh Dương Đăng K, chị Dương Lệ Th và Dương Quỳnh Lệ U được nhận lại.

- Bà Huỳnh Thị A2 phải chịu 23.764.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn N2, chị Nguyễn Thị Thanh E, chị Nguyễn Thị T3, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị M2, chị Nguyễn Thị D2 và anh Nguyễn Văn T2 phải chịu 23.388.000 đồng.

8. Án phí dân sự phúc thẩm ông Huỳnh Ngọc T1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 23/5/2019 ông T1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000157 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập